

Số: /BC-BTP
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Rà soát, đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến liên quan đến hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan được giao tại Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 02/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp xin kính báo cáo như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Mục tiêu rà soát, đánh giá

Việc rà soát của Bộ Tư pháp nhằm phát hiện những nội dung còn chưa tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và những quy định tiên bộ của luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan để làm cơ sở hoàn thiện pháp luật trong nước cũng như bảo đảm thực hiện tốt các cam kết quốc tế của Việt Nam ở lĩnh vực này.

2. Phạm vi rà soát

Bộ Tư pháp thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật ở hình thức bộ luật, luật (ở những lĩnh vực chưa có quy định tại hình thức văn bản là luật/bộ luật thì sẽ rà các văn bản dưới luật có nội dung liên quan như nghị định) có điều chỉnh về hợp đồng, giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại với các điều ước

quốc tế mà Việt Nam là thành viên có các nguyên tắc, nội dung cơ bản về hợp đồng và giải quyết tranh chấp tranh hợp đồng trong lĩnh vực này, theo đó:

a) Về pháp luật Việt Nam

- Đối với lĩnh vực hợp đồng và giải quyết tranh chấp theo hợp đồng dân sự, thương mại bằng tòa án, trọng tài, văn bản quy phạm pháp luật được rà soát là các quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Thương mại điện tử năm 2005, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

- Đối với lĩnh vực giải quyết tranh chấp theo hợp đồng bằng hòa giải, văn bản quy phạm pháp luật được rà soát là Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.

b) Về điều ước quốc tế

Các điều ước quốc tế được rà soát gồm Bộ quy tắc hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) của Viện Thống nhất tư pháp quốc tế (UNIDROIT), Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 (CISG), Luật mẫu về trọng tài thương mại năm 1985 với các sửa đổi, bổ sung năm 2006 và Luật mẫu về Hòa giải thương mại quốc tế 2002 của UNCITRAL cũng như các điều ước quốc tế về thương mại, đầu tư có quy định về giải quyết tranh chấp tư.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả rà soát lĩnh vực pháp luật hợp đồng dân sự, thương mại

Các quy định “gốc” của pháp luật Việt Nam điều chỉnh về hình thức, nội dung hợp đồng dân sự, thương mại chủ yếu có trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); một số quy tắc mới rõ ràng hơn về giao dịch thương mại trên môi trường điện tử có trong Luật Giao dịch điện tử năm 2005.

Đối chiếu, so sánh pháp luật Việt Nam với các quy tắc về hợp đồng dân sự, thương mại tại PICC và CISG, Bộ Tư pháp nhận thấy, về cơ bản đã phù hợp. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS) và Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (LTM) cũng còn một số nội dung cần cân nhắc sau đây:

1.1. Các quy định chung về hợp đồng dân sự, thương mại

Hiện nay, BLDS cũng như LTM không có một chương riêng quy định một cách hệ thống về những nguyên tắc chung của hợp đồng, giao kết và thực hiện hợp đồng. Theo đó, một số nguyên tắc chung về hợp đồng được quy định tại Phần Các quy định chung của BLDS và nằm rải rác trong các phần khác của BLDS, như về ký kết và thực hiện hợp đồng... Do vậy, BLDS nên được cấu trúc lại để bổ sung tại Phần Quy định chung những nguyên tắc cốt lõi của hợp đồng như: Nguyên tắc tự do hợp đồng (bao gồm cả tự do về hình thức), nguyên tắc thiện chí, tin tưởng và trung thực, nguyên tắc hợp tác và nguyên tắc ràng buộc vào hợp đồng đã được giao kết. Ngoài ra, ở phần chung này, cũng cần quy định bổ sung những nội dung mang tính chất là khái niệm được áp dụng trong khi ký kết và thực hiện hợp đồng, ví dụ: thông báo, thời điểm thông báo được coi là đến với người nhận và có hiệu lực ràng buộc (Chi tiết, xin xem Phần 1 Phụ lục 1).

1.2. Ký kết hợp đồng

Về cơ bản quy định của pháp luật Việt Nam đã tương thích với PICC và Công ước Viên. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam còn thiếu khá nhiều quy định để xử lý các trường hợp khá phổ biến trong thực tiễn giao kết hợp đồng như: Văn bản xác nhận; giao kết hợp đồng phụ thuộc vào việc thống nhất những điểm nhất định hoặc theo một hình thức nhất định; giao kết hợp đồng với những điều khoản chủ ý để ngỏ; các hành vi không trung thực khi giao kết hợp đồng; nghĩa vụ giữ bí mật, điều khoản về tính hoàn chỉnh; mâu thuẫn giữa một điều khoản của điều kiện giao dịch chung và một điều khoản do các bên thỏa thuận và điều kiện giao dịch chung có xung đột.

So với PICC và Công ước Viên, một số nội dung của BLDS đã có nhưng những nội dung tương ứng chưa rõ, thiếu tính xác định (ví dụ: Định nghĩa “đề nghị giao kết hợp đồng”) hoặc còn cứng nhắc và chưa thực sự lưu ý đến nguyên tắc thiện chí, trung thực và hợp tác thông qua đàm phán hợp đồng (ví dụ: Quy định về thông báo đề nghị đến chậm) hoặc chưa thể hiện tính linh hoạt xuất phát từ nguyên tắc tự do hợp đồng (ví dụ: Thiếu quy định về hợp đồng được ký kết với những nội dung được các bên để ngỏ, quy định về chấm nhận giao kết hợp đồng bằng hành vi thực tế).

Những kiến nghị cụ thể về nội dung trên đã được nêu tại Phần 2 Phụ lục 1.

1.3. Về hợp đồng vô hiệu

Đối với căn cứ để một giao dịch dân sự bị coi là vô hiệu, BLDS và PICC đều quy định các căn cứ là nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa và có đối tượng không thể thực

hiện được ngay từ ban đầu. Tuy nhiên, theo PICC, thông thường một hợp đồng được giao kết thì có hiệu lực thi hành nhưng hợp đồng có thể bị hủy bỏ với tác động hồi tố, nếu khi giao kết hợp đồng có những yếu tố vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện ký kết hợp đồng (lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn). Trong những trường hợp này, **PICC quy định quyền của một bên được hủy bỏ giao dịch và quyền này được thực hiện trực tiếp giữa các bên với nhau nếu bên có quyền không thực hiện quyền hủy bỏ, thì giao dịch vẫn có hiệu lực.** Trong một số hoàn cảnh nhất định PICC quy định quyền hủy bỏ hợp đồng cũng bị loại trừ.

BLDS quy định những giao dịch trong hoàn cảnh như trên là vô hiệu và bên tham gia giao dịch bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch là vô hiệu. BLDS không quy định về những giao dịch vô hiệu nhưng không được tòa án tuyên bố là vô hiệu thì thế nào. Do đó, không rõ hệ quả pháp lý là gì khi các bên thực hiện một hợp đồng vô hiệu nhưng chưa được tòa án tuyên bố là vô hiệu.

Ngoài ra, do tính chất bắt buộc của các quy định về hủy bỏ hợp đồng, nên các quy định của PICC được cân nhắc kỹ và được xây dựng theo tinh thần ổn định, an toàn và phù hợp với nguyên tắc tự do hợp đồng, nguyên tắc tin tưởng, trung thực và thiện chí (chi tiết xin xem cột 4 Phần 3 Phụ lục 1)

1.4. Về giải thích hợp đồng

Các quy định của BLDS đã tương thích với quy định của PICC về giải thích hợp đồng, đặc biệt là quy định giải thích theo ý chí của các bên, giải thích điều khoản hợp đồng trong tổng thể, giải thích theo bản chất và mục đích hợp đồng.

Tuy nhiên, BLDS không có quy định giải thích tuyên bố đơn phương, hành vi thực tế, giải thích điều khoản do một bên đưa ra (hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung) và giải thích hợp đồng trong trường hợp hợp đồng được ký bằng các ngôn ngữ khác nhau. Do đó, có thể bổ sung những quy định nói trên vào hệ thống pháp luật Việt Nam (Chi tiết xin xem tại cột 4 của Phần 4 Bảng so sánh).

1.5. Về nội dung hợp đồng

Khác với cơ cấu của BLDS, PICC có một chương về nội dung hợp đồng (Chương V), theo đó PICC quy định nội dung hợp đồng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận và không thể xác định được các nội dung đó từ các điều khoản hợp đồng (ví dụ: Quy định về nghĩa vụ hợp đồng, trong đó bao gồm cả các nghĩa vụ hiểu ngầm, mức độ của nghĩa vụ, chất lượng, giá cả, các loại nghĩa vụ). Với những quy định của chương này, PICC hướng dẫn các bên khắc phục những lỗ

hồng mà họ chưa hoặc không thỏa thuận trong hợp đồng. Hướng dẫn của PICC luôn dựa theo nguyên tắc, thiện chí, trung thực để đưa ra, ví dụ: Mức giá hoặc chất lượng thích hợp hoặc xác định nghĩa vụ ở mức thích hợp.

BLDS và LTM không có một phần quy định chung như nêu trên để áp dụng chung cho mọi loại hợp đồng mà quy định về cách xác định các nội dung trên rải rác trong các quy định về hợp đồng cụ thể. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán về nội dung của hợp đồng. Do vậy, BLDS nên sửa về phần hợp đồng để có một chương quy định về cách xác định các nội dung hợp đồng trong trường hợp các bên không thỏa thuận hoặc cố ý bỏ ngỏ hoặc hiểu ngầm theo cách thức khác nhau (Chi tiết xem tại cột 4 Phần 5 Bảng so sánh).

1.6. Về thực hiện hợp đồng

Qua rà soát cho thấy, khá nhiều nội dung về thực hiện hợp đồng của BLDS được quy định tại phần thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện hợp đồng chưa phù hợp quy định của PICC, ví dụ: Thời điểm thực hiện hợp đồng, địa điểm thực hiện hợp đồng, thực hiện một lần hay thực hiện nhiều lần, thực hiện từng phần v.v... Nguyên nhân của sự không tương thích này là BLDS dự liệu chủ yếu để áp dụng cho các quan hệ dân sự, dân sinh nhỏ lẻ. Ngược lại PICC dự liệu dùng để áp dụng cho các quan hệ thương mại quốc tế, có tính chất thường xuyên, có giá trị lớn, dài hạn và dựa trên nguyên tắc xuyên suốt là tin tưởng, trung thành và thiện chí.

Khá nhiều quy định được điều chỉnh trong PICC không có trong quy định của BLDS và LTM, cụ thể như quy định về công cụ thanh toán, đồng tiền thanh toán, chi phí thực hiện hợp đồng, thanh toán khấu trừ và quy định về xin phép khi thực hiện hợp đồng. Đây là những vấn đề phát sinh thường xuyên trong các hợp đồng thương mại quốc tế cần được điều chỉnh và quy định của PICC đáp ứng các yêu cầu này.

Từ nhận định trên thấy rằng, quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng (BLDS và LTM) chủ yếu nhằm điều chỉnh các quan hệ hợp đồng dân sinh và kinh tế trong nước không đáp ứng được việc điều chỉnh các quan hệ hợp đồng thương mại quốc tế trong điều kiện hội nhập sâu rộng như hiện nay. Do đó, Việt Nam nên nghiên cứu ban hành luật hợp đồng thương mại (trong đó lưu ý đến cả tính quốc tế trong quan hệ hợp đồng) để đáp ứng nhu cầu giao lưu kinh tế thương mại vừa bảo đảm sự nhanh nhạy, linh hoạt trong quá trình giao kết và thực hiện, vừa phải đáp ứng yêu cầu ổn định tránh tổn thất không cần thiết.

1.7. Trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng

Tuy có thể dùng khái niệm khác nhau nhưng về bản chất các quy định của BLDS và của LTM về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng đã phù hợp với quy định của PICC (ví dụ: Định nghĩa vi phạm hợp đồng, quy định về quyền hủy bỏ hợp đồng, quy định về nghĩa vụ thông báo khi vi phạm và thông báo về ý định hủy bỏ hợp đồng, bồi thường thiệt hại, mức thiệt hại và tính xác định được của thiệt hại...)

Có một số nội dung được áp dụng trên thực tế pháp luật Việt Nam nhưng chưa được quy định trong pháp luật (ví dụ: Quy định về quyền yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng khi có vi phạm, yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện đúng hợp đồng khi có nguy cơ vi phạm hợp đồng...). Trong thực tiễn hợp đồng, cũng như thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân các cấp có vận dụng khái niệm “bất khả kháng” để miễn trừ trách nhiệm. Tuy nhiên, BLDS chưa có định nghĩa về khái niệm quan trọng này.

BLDS chưa có dự liệu cho một số trường hợp mà trong đời sống kinh tế được vận dụng khá phổ biến để giảm thiểu rủi ro, đồng thời đáp ứng yêu cầu phản ứng nhanh trước những khả năng rủi ro có thể phát sinh (ví dụ: Quy định về quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng trước khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ, nếu thấy rõ khả năng bên có nghĩa vụ không thực hiện một cách cơ bản hợp đồng hoặc quyền yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo đảm để thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng).

BLDS cũng chưa có một số quy định phù hợp với thực tế kinh doanh, được áp dụng phổ biến trong đời sống kinh tế hiện nay như bồi thường thiệt hại trong phạm vi mà bên phải bồi thường đã dự liệu được trước khi ký kết hợp đồng, quy định về cách tính thiệt hại trong trường hợp hủy hợp đồng nhưng bên bị vi phạm ký kết giao dịch thay thế, hoặc không ký kết các giao dịch thay thế.

Ngoài ra, về cùng một nội dung (ví dụ: Thiệt hại được bồi thường hoặc giảm mức bồi thường, nếu bên có quyền không áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại v.v.), BLDS quy định tại nhiều quy định khác nhau dẫn đến tình trạng trùng lặp và rất khó vận dụng.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Tư pháp cho rằng nên nghiên cứu sửa BLDS hoặc có Luật riêng về hợp đồng kinh tế thương mại thì nên cấu trúc lại phần này theo hướng bao gồm quy định chung về trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng, trong đó bao gồm định nghĩa vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, miễn trách nhiệm (bao gồm cả định nghĩa về rủi ro), trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng và khắc phục vi phạm.

1.8. Bù trừ

Việc thực hiện hợp đồng bù trừ thực tế đã được vận dụng phổ biến trong cả đời sống dân sự lẫn đời sống kinh doanh và đặc biệt có ý nghĩa đối với những đối tác hợp đồng có quan hệ thường xuyên qua lại với nhau họ vừa là con nợ, đồng thời là chủ nợ của nhau. Do vậy, việc họ có thể bù trừ các nghĩa vụ của họ đối với nhau có ý nghĩa rất thiết thực. Chính vì vậy, chế định này đã được điều chỉnh trong nhiều hệ thống pháp luật của các nước theo hệ pháp luật thành văn (Pháp, Đức...). Do vậy, cũng nên bổ sung chế định bù trừ này vào BLDS hoặc xây dựng một chế định này trong Luật hợp đồng thương mại (nếu dự kiến xây dựng Luật này).

1.9. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ, hợp đồng

BLDS đã có quy định chuyển giao quyền, chuyển giao nghĩa vụ, nhưng chưa có quy định về chuyển giao toàn bộ hợp đồng. Trên thực tế thương mại của Việt Nam, thường xảy ra trường hợp chuyển giao toàn bộ hợp đồng (gọi là mua hợp đồng), đặc biệt trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc trong lĩnh vực xây dựng. Do vậy, cần thiết phải bổ sung thêm chế định chuyển giao hợp đồng vào BLDS.

Ngoài ra, trong trường hợp doanh nghiệp bị mua, bị sáp nhập, hợp nhất sẽ có nhiều trường hợp các quyền yêu cầu hoặc các nghĩa vụ hoặc các hợp đồng đã được ký kết được chuyển cho doanh nghiệp mua, doanh nghiệp mới, doanh nghiệp sáp nhập, trong trường hợp này, Luật Doanh nghiệp nên bổ sung quy định điều chỉnh các vấn đề nói trên, phù hợp với thực trạng và tính chất của việc chuyển đổi. Trường hợp không có sự điều chỉnh riêng thì viện dẫn áp dụng BLDS. Trường hợp này, đòi hỏi BLDS phải quy định rất chi tiết để bảo đảm lợi ích của các bên tham gia chuyển đổi, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt và yêu cầu nhanh nhậy của thị trường.

Quy định chuyển giao quyền và nghĩa vụ của BLDS còn khá đơn giản, chưa quy định về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ mà quyền hoặc nghĩa vụ có các quyền tự vệ, quyền bù trừ, chuyển giao quyền cho nhiều người thế quyền. Những quy định còn thiếu này, cần nghiên cứu để bổ sung vào BLDS.

Một quy định của BLDS về chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho thấy chưa hợp lý, ví dụ: Phương thức chuyển giao BLDS chỉ quy định có 1 phương thức, trong khi đó PICC quy định nhiều phương thức. Quy định về nghĩa vụ thông báo trong trường hợp chuyển quyền và nghĩa vụ và hậu quả của sự vi phạm nghĩa vụ này cho của BLDS cho thấy cũng chưa hợp (Những phân tích và đề xuất chi tiết, xin xem phần tại cột 3 và 4 Phần 9 Phụ lục 1).

2. Kết quả rà soát lĩnh vực pháp luật giải quyết tranh chấp theo hợp đồng dân sự, thương mại

Liên quan đến giải quyết tranh chấp theo hợp đồng dân sự, thương mại, pháp luật trong nước hiện có Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (LTTM) và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP).

Đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên với Luật mẫu Trọng tài thương mại năm 1985 với các sửa đổi, bổ sung năm 2006 (LMTT) và Luật mẫu Hòa giải thương mại quốc tế 2002 (LMHG) của UNCITRAL cho thấy, về cơ bản có nhiều nội dung tương đồng. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam còn chưa tương thích với LMTT và LMHG ở một số nội dung sau đây:

a) Về Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Thứ nhất, hiện BLTTDS không có quy định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của trọng tài nước ngoài, trong khi LMTT có quy định về vấn đề này. Trong điều kiện hội nhập quốc tế, việc cá nhân, tổ chức Việt Nam sử dụng trọng tài nước ngoài (quốc tế) để giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại, đầu tư là phổ biến. Do đó, việc bổ sung trong BLTTDS quy định công nhận và cho thi hành quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời của trọng tài nước ngoài là cần thiết.

Thứ hai, Điều 459 BLTTDS quy định những trường hợp không công nhận quyết định của trọng tài nước ngoài, trong đó có căn cứ là phán quyết của trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, nguyên tắc cơ bản này chưa được pháp luật Việt Nam quy định giải thích rõ ràng nên có thể dẫn đến việc giải thích rộng hoặc hẹp theo ý chí chủ quan của thẩm phán giải quyết vụ việc. Do đó, cần thiết có giải thích nguyên tắc này tại BLTTDS hay các luật liên quan như BLDS, LTTM.

b) Về Luật Trọng tài thương mại năm 2010

Liên quan LTTM hiện còn một số nội dung chưa thực sự phù hợp với LMTT, cụ thể:

- LTTM còn chưa có quy định về trọng tài quốc tế như được nêu tại khoản 3 Điều 1 của LMTT, mà chỉ có quy định về trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Trong khi đó, khái niệm về “trọng tài quốc tế” và “trọng tài nước ngoài tại Việt Nam” là khác nhau;

- LTTTM chưa quy định trường hợp các địa chỉ người nhận là địa điểm kinh doanh, nơi thường trú hoặc địa chỉ thư gửi sau khi đã nỗ lực mà không xác định được thì gửi theo địa chỉ nào, mặc dù LMĐT đã có quy định về vấn đề này tại Điều 3 là: Nếu các địa chỉ trên không tìm thấy thì các liên lạc bằng văn bản được xem là đã nhận nếu được gửi đến địa điểm kinh doanh, nơi thường trú hoặc địa chỉ thư gửi được biết đến cuối cùng của người nhận bằng thư bảo đảm hoặc bằng cách thức khác có ghi nhận về việc chuyển thư đi;

- LTTTM không có quy định khẳng định nguyên tắc “Đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này sẽ không tòa án nào được can thiệp, trừ những trường hợp được Luật này quy định” như tại Điều 5 của LMĐT. Đây là một nguyên tắc quan trọng để bảo đảm tính độc lập của trọng tài Thương mại;

- Một trong những căn cứ hủy quyết định trọng tài quy định tại Điều 68 LTTTM là phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; trong khi đó, các luật liên quan, kể cả BLDS, BLTTDS cũng không có giải thích về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; Bên cạnh đó, thời hạn một bên tranh chấp đề nghị tòa án quyết định việc thay đổi trọng tài viên tại Điều 42 LTTTM (15 ngày) ngắn hơn thời hạn đối với việc này quy định tại Điều 12 LMĐT (30 ngày). Những quy định tại Điều 42 và Điều 44 LTTTM nên được sửa cho phù hợp với LMĐT để bảo đảm quyền lợi của các bên tranh chấp;

- Thời hạn yêu cầu tòa án giải quyết đối với trường hợp không đồng ý quyết định của trọng tài về đơn khiếu nại của một/các bên tranh chấp liên quan thẩm quyền giải quyết vụ việc tranh chấp của trọng tài tại Điều 44 LTTTM (05 ngày) ngắn hơn so với Điều khoản 3 Điều 16 LMĐT (30 ngày);

- Điều 49 LTTTM quy định thẩm quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm của hội đồng trọng tài thời hạn hơn so với Điều 17 của LMĐT, theo đó việc yêu cầu bên tranh chấp khôi phục nguyên trạng để chờ phán quyết về tranh chấp chưa có quy định tại Điều 49 LTTTM; bên cạnh đó, LTTTM cũng chưa có quy định về điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như quy định tại Điều 17 A LMĐT; ngoài ra, LTTTM chưa có nội dung về cơ chế cụ thể đối với lệnh tạm thời như quy định tại Điều 17 C của LMĐT. Đồng thời, liên quan đến hủy quyết định trọng tài trong nước của Tòa án, BLTTDS và LTTTM không quy định cơ chế xem xét lại.

c) Về Nghị định số 22/2017/NĐ-CP

Cho đến nay, văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải thương mại chưa có ở các hình thức văn bản do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành mà mới

có Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định về vấn đề này. Theo đó, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP không có quy định về hòa giải được coi là quốc tế như quy định tại Điều khoản 4 Điều 1 LMHG, mà chỉ có quy định về tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Hiện nay, Việt Nam đang hội nhập rất sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Việc bảo đảm khung pháp luật trong nước để tận dụng hiệu quả của tiến trình này và thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế là vô cùng quan trọng. Pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp theo hợp đồng là những nền tảng, cơ sở pháp lý quan trọng giúp tổ chức, cá nhân thực hiện việc hội nhập trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Do đó, việc thường xuyên hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này nhằm bảo đảm phù hợp với những tiêu chuẩn chung tiến bộ của quốc tế là cần thiết. Các tiêu chuẩn chung về pháp lý có trong các điều ước quốc tế phổ cập mà Việt Nam là thành viên cũng như các quy tắc pháp lý mang tính hướng dẫn của các tổ chức quốc tế.

Qua quá trình rà soát của Bộ Tư pháp, một số quy định liên quan đến hợp đồng, giải quyết tranh chấp theo hợp đồng dân sự, thương mại của BLTTDS, LTM, LTMĐT, LTTM và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP còn một số quy định chưa phù hợp với những tiêu chuẩn pháp lý tiến bộ được ghi nhận tại PICC, CISG, LMTT và LMHG. Do đó, các Bộ, ngành cần thiết có nghiên cứu, kiến nghị Quốc hội, Chính phủ sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong nước nêu trên để bảo đảm tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý trong nước cho hội nhập quốc tế.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan, Bộ Tư pháp xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ như sau:

(i) Phê duyệt kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan được nêu tại Báo cáo này.

(ii) Yêu cầu các Bộ, ngành đã chủ trì trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên có nghiên cứu cụ thể, kỹ lưỡng để đề xuất sửa đổi nhằm bảo đảm

phù hợp với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và cũng như các quy tắc tiến bộ tại luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước tháng 12/2022;

(iii) Giao Bộ Tư pháp giúp Thủ tướng Chính phủ chủ trì, đôn đốc các Bộ, ngành liên quan trong việc sửa đổi các văn bản pháp luật đã nêu tại Báo cáo này.

Trên đây là kết quả rà soát của Bộ Tư pháp về kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan, xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Kèm theo Báo cáo này:

- Phụ lục I: Kết quả rà soát pháp luật Việt Nam với điều ước quốc tế hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến liên quan;

- Phụ lục II: Kết quả rà soát pháp luật Việt Nam với điều ước quốc tế giải quyết tranh chấp hợp đồng mà Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để phối hợp);
- TANDTC, VKSNDTC (để phối hợp);
- Lưu: VT, PLQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Khánh Ngọc